

# CẦN LƯU GIỮ TINH HOA ĐỂ BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC ĐỂ PHÁT TRIỂN

◆ THÂN THỊ THU

Có thể nói, Cải lương là loại hình nghệ thuật độc đáo, đậm đà bản sắc văn hóa Nam bộ Việt Nam, có nội dung phong phú, giai điệu ngọt ngào, đậm chất trữ tình, tự sự, dễ đi vào lòng người, dễ lan truyền cảm xúc và thẩm thấu tâm tưởng. Trong quá trình hình thành và phát triển 100 năm, sân khấu Cải lương đã trở thành loại hình giải trí yêu thích của đông đảo người dân, không chỉ ở Nam bộ mà ở khắp các vùng miền đất nước Việt Nam, và âm nhạc Cải lương cũng là giai điệu gợi nhớ quê hương của hàng triệu người Việt Nam sinh sống ở hải ngoại. Sức hấp dẫn của nghệ thuật sân khấu Cải lương thể hiện qua những sáng tạo độc đáo của các nghệ nhân tiền bối được bồi đắp trong tròn một thế kỷ. Khả năng dung nạp, chọn lọc tinh hoa nghệ thuật trong và ngoài nước đã khiến cho Cải lương luôn mới mẻ và hấp dẫn người hâm mộ. Qua nhiều thăng trầm, nghệ thuật sân khấu Cải lương không ngừng được thử thách với nhiều phong cách đa dạng, từ cấu trúc kịch bản, hình thái biểu diễn đến thiết kế mỹ thuật trang trí sân khấu, thiết kế phục trang, đặc biệt là âm nhạc Cải lương với sự tồn tại song song của dàn nhạc cổ và dàn nhạc tân kết hợp trong nhiều sáng tạo độc đáo đã làm giàu thêm kho tàng âm nhạc tài tử - cải lương qua nhiều thập niên, góp phần vào sự phát triển đa dạng, phong phú, đậm đà bản sắc văn hóa, nghệ thuật Việt Nam.

Trải qua 100 năm, nghệ thuật sân khấu Cải lương vẫn đang đứng trước những thử thách mới.

Hướng đến Kỷ niệm 100 năm hình thành và phát triển nghệ thuật Cải lương (1918-2018), rất cần một công trình nghiên cứu khoa học nhằm ghi nhận, phân tích và đánh giá những đóng góp quan trọng của nghệ thuật Cải lương đối với nền văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc và cũng cần sự phân tích thấu suốt về những khó khăn, bất cập khiến cho hoạt động của sân khấu Cải lương dần trở nên bế tắc khi bước sang thế kỷ XXI, khi đất nước hội nhập về mọi mặt. Giải pháp nào để gìn giữ những tinh hoa nghệ thuật của 100 năm qua và làm cho nghệ thuật Cải lương tiếp tục phát triển? Có lẽ đó là câu hỏi lớn, là thử thách đối với chúng ta.

## 1. Một số vấn đề của Sân khấu Cải lương trong ba thập niên phát triển đỉnh cao

Trong tham luận này, chúng tôi muốn nhìn nhận, soi chiếu từ quá trình phát triển đỉnh cao của sân khấu Cải lương cho đến lúc bị chững lại và dần xuống dốc, những đóng góp của Cải lương qua biến thiên thời cuộc và những đổi thay về thể chế chính trị, tổ chức kinh tế xã hội đã tác động mạnh mẽ đến các chủ thể sáng tạo – văn nghệ sĩ và chủ thể tiếp nhận – khán giả.

Đến nay có thể khẳng định: trong khoảng 30 năm, từ thập niên 60 đến thập niên 80 của

thế kỷ XX, Cải lương phát triển rực rỡ, mạnh mẽ, thấm sâu trong đời sống dân gian, lan rộng trên toàn đất nước Việt Nam. Giai đoạn này, Cải lương phát triển mạnh cả về lượng lẫn về chất, dần dần chiếm vị thế hơn so với các loại hình nghệ thuật khác. Kịch bản có nhiều đề tài Đông – Tây – Kim – Cổ; đội ngũ soạn giả, nhạc sĩ, nhạc công tài hoa, mỗi người một vẻ; phương thức dàn dựng sáng tạo, đầy màu sắc; đội ngũ diễn viên đa dạng, đa tài; số lượng gánh hát, đoàn hát, rạp hát tăng vọt; đặc biệt, nhiều bài, bản cổ nhạc mới, sáng tác mới ra đời, bổ sung từ nguồn dân ca, hò, lý và được chọn lọc, Việt Nam hóa từ một số giai điệu của kịch hát Quảng Đông (Trung Quốc), Tân nhạc của phương Tây, làm giàu thêm vốn âm nhạc Việt Nam. Nghệ thuật Cải lương như cô gái trẻ đang độ xuân thì, căng tràn sức sống, đầy hấp lực. Để nhìn lại những đóng góp quý báu cho nền văn hóa, nghệ thuật nước nhà và những thăng trầm của sân khấu Cải lương có thể chia ra ba giai đoạn:

Trước năm 1975, cả dân tộc sống trong điều kiện đất nước có chiến tranh. Cải lương đa dạng, nhiều đề tài và có thể thấy lẫn trong dòng chảy những tuồng tích mang tính giải trí cao, lấp lánh những thân phận con người trong thời kỳ phong kiến với khát khao có một cuộc sống bình thường. Nhiều kịch bản, bài ca mới, đặc sắc ra đời dưới ngòi bút tài hoa của nhiều soạn giả như: Năm Châu (Nguyễn Thành Châu), Tư Trang (Trần Hữu Trang), Hà Triều, Hoa Phượng, Yên Lang, Bảy Cao, Hoàng Khâm, Quy Sắc, Loan Thảo, Thu An, Viễn Châu, Yên Ba... cùng với sự xuất hiện của các danh cầm tài hoa, ngón đờn điêu luyện như Văn Vĩ, Văn Giỏi, Văn Còn, Chín Trích, Năm Cơ, Bảy Bá (Viễn Châu), Hai Thom, Ba Tu, Tư Thiên,

Ngọc Sáu... đã đưa nhiều tên tuổi nghệ sĩ lên đài vinh quang; lớp tiền bối có Phùng Há, Năm Châu, Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Út Bạch Lan, Tấn Tài, Minh Cảnh... và một thế hệ vàng với những giọng ca, tên tuổi lừng danh đến hôm nay như: Diệp Lang, Minh Phụng, Ngọc Hương, Thanh Nga, Minh Vương, Thanh Sang, Ngọc Giàu, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Thanh Kim Huệ, Thanh Tuấn, Nam Hùng, Thanh Thanh Hoa... Cải lương bấy giờ không chỉ hoành tráng trên sân khấu mà chiếm lĩnh thị trường băng đĩa và bắt đầu lên phim điện ảnh. Tỉnh riêng tại vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định đã có khoảng 40 rạp hát Cải lương. Nhiều gánh hát, đoàn Cải lương nổi tiếng như: Thanh Minh (sau này là Thanh Minh – Thanh Nga), Thống Nhứt, Tiếng Chuông Vàng, Hương Mùa Thu; hệ thống đoàn Kim Chung, Kim Chương, Dạ Lý Hương, Phước Chung, Thái Dương, Tân Thủ Đô, Tỳ Phượng, Kim Phụng... Sân khấu nào cũng sáng đèn thường xuyên và đều thu hút đông đảo khán giả, không chỉ tại “chiếc nôi”, thủ phủ Cải lương – đất Sài Gòn mà nhiều gánh hát trung, nhỏ cũng com ghe bầu bạn, lưu diễn khắp các vùng sông nước, bến bãi miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long, đưa Cải lương thấm sâu vào đời sống, tâm hồn nhân dân.

Từ năm 1975 đến năm 1980, đội ngũ văn nghệ sĩ rất lớn mạnh, đông đảo và tài năng. Ngoài đội ngũ soạn giả kể trên, xuất hiện thêm một lớp soạn giả mới, bút lực dồi dào như Lê Duy Hạnh, Ngọc Linh, Dương Linh, Thiếu Linh, Thanh Hiền, Phi Hùng, Hùng Tấn, Thanh Cao... Nhạc sĩ, nhạc công với ngón đờn trẻ trung, điêu luyện và sáng tạo cũng xuất hiện như Khải Hoàn, Văn Bền,

Hoàng Thành... Ngoài các nghệ sĩ thành danh tại Sài Gòn từ trước giải phóng, có nghệ sĩ miền Nam, miền Trung đi tập kết hoặc hoạt động trong chiến khu và cả nghệ sĩ là người miền Bắc tề tựu về “đất Cải lương” để hoạt động như đạo diễn Huỳnh Nga, Lê Thiện, Tấn Đạt, Công Thành, Thanh Xuân, Kim Anh, Thanh Liễu, Như Ngọc, Doan Phượng, Thanh Vy, Hà Quang Văn, Mạnh Dung, Thanh Dậu... Với nguồn lực dồi dào đó, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương phù hợp, ưu ái, tạo điều kiện thuận lợi, kích thích văn nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm ca ngợi cuộc sống mới, động viên người dân chung sức kiến thiết nước nhà. Trong môi trường hòa bình, văn nghệ sĩ đã nhanh chóng hợp nhất, làm nên “bộ mặt” mới của sân khấu Cải lương miền Nam. Nhiều sáng tác mang hơi thở của cuộc sống mới ra đời, đề cao giá trị của cuộc sống hòa bình, truyền tải khát khao, ý chí xây dựng, bảo vệ đất nước sau cuộc chiến dài nhiều hi sinh, gian khổ để có độc lập dân tộc. Trong ba thập niên, nghệ thuật sân khấu Cải lương đã vươn lên tầm cao mới, về cấu trúc, nội dung, bài bản và các thể điệu, ngôn phong trong đối thoại sân khấu, phong cách dàn dựng, thiết kế mỹ thuật, trang trí sân khấu và diễn xuất.

Mô hình đoàn hát, gánh hát tư nhân nhanh chóng được tổ chức, sắp xếp lại thành đoàn Cải lương tập thể, tồn tại song song với mô hình đoàn Cải lương Nhà nước. Tuy nhiên, những đổi thay về tổ chức, mô hình hoạt động dường như không ảnh hưởng đến niềm hân hoan nhập cuộc và chuyển tải thông điệp cuộc sống của văn nghệ sĩ. Các đoàn hát nhà nước và tập thể lúc đó đều hoạt động mạnh với dàn kịch mục đa dạng, phong phú. Có thể kể: Đoàn

*Văn Công thành phố, Thanh Minh-Thanh Nga, Phước Chung, Trung Hiếu, Sài Gòn 1, Sài Gòn 2, Sài Gòn 3, Minh To, Huỳnh Long...* Sức sáng tạo của lực lượng văn nghệ sĩ lúc bấy giờ như được khai mở, thật dồi dào, vượt lên trên những thử thách trong cuộc sống mới, bất chấp nhiều khó khăn trong thời hậu chiến. Nhiều tuyệt phẩm Cải lương đã ra đời trong giai đoạn này. Nổi lên là những vở diễn đề tài lịch sử, dã sử chống xâm lăng, khơi dậy lòng yêu nước mãnh liệt và tự hào dân tộc như: *Tiếng trống Mê Linh, Thái hậu Dương Vân Nga, Nhụy Kiều tướng quân, Gánh củ sông Hàn, Bình Tây đại nguyên soái, Tâm sự Ngọc Hân, Nhiếp chính Ý Lan, Nữ tướng cờ đào, Rạng ngọc Côn Sơn, Tô Hiến Thành xử án, Câu thơ yên ngựa, Tiếng sóng Rạch Gầm...* Những nghệ sĩ tài danh như: Thanh Nga, Thanh Sang, Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Iông Nga, Ngọc Iương, Ihoài Thanh, Diệu Hiền, Mỹ Châu, Tuấn Thanh,... bật sáng qua những hình tượng nhân vật lịch sử trong 1000 năm dựng nước và giữ nước - những tượng đài nghệ thuật ở đỉnh cao của sáng tạo, như: Trung Trắc, Trung Nhị, Dương Vân Nga, Triệu Thị Trinh, Nguyễn Huệ, Ngọc Hân Công chúa, Tô Hiến Thành, Nguyễn Trãi, Ý Lan, Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành... Cũng chủ đề yêu nước, chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ, nhiều tuồng Cải lương thành công vang dội như: *Tiếng hò sông Hậu, Khách sạn hào hoa, Bóng tối và Ánh sáng, Tìm lại cuộc đời, Người ven đô, Tiếng sóng Rạch Gầm, Cây sầu riêng trở bông, Ánh lửa rừng khuya, Nàng Hai Bến Nghé, Muôn dặm vì chồng, Trăng lên đỉnh núi...*, nhiều tuồng Cải lương tố cáo xã hội phong kiến như: *Tô Ánh Nguyệt, Đồi cô Lựu...*, những tuồng tâm lý, ca ngợi nhân nghĩa, châm biếm thói hư tật xấu, với các lớp diễn

hài hước ý nhị cũng rất được ưa chuộng như: *Bên cầu dệt lụa*, *Mưa rừng*, *Lục Vân Tiên*, *Đời luân anh hùng*, *Ngao Sò Ốc Hến*, *Nàng Xê Đa*, *Kiếp chồng chung*, *Tấm lòng của biển...* Hầu hết vở diễn có tuổi thọ dài hàng chục năm. Cũng trong giai đoạn này, loại hình Cải lương Tuồng cổ Việt Nam đã khẳng định được chỗ đứng sau một thời gian vượt lên nhiều định kiến, thù thách. Đó cũng là một nhánh phát triển đáng tự hào của loại hình nghệ thuật truyền thống này.

GS. TS. Trần Văn Thọ (thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Chính Phủ) đã cho rằng, tình trạng kinh tế của Việt Nam “mười năm sau 1975 là một trong những giai đoạn tối tăm nhất trong lịch sử Việt Nam”. Thế nhưng, tại sao sân khấu Cải lương không chỉ sống đường hoàng mà còn phát triển rực rỡ đến như vậy? Bởi trong 15 năm đó, có thể khẳng định: lý tưởng, thị hiếu thẩm mỹ của con người Việt Nam mang mẫu số chung: hướng tới hình mẫu cao đẹp, niềm tự hào của dân tộc; hướng tới những khát vọng, tạo nên sức lay động, cổ vũ con người vươn lên trong cuộc sống. Khi đó, Cải lương là loại hình giải trí chiếm ưu thế vì đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ đa dạng của khán giả.

Bước sang thập kỷ 80 của thế kỷ XX, khó khăn kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến mọi thành phần trong xã hội, phân hóa giàu nghèo ngày càng lộ rõ, đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự biến động trong đời sống tinh thần – tâm lý của con người. Năm 1986, đường lối đổi mới từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng là một cuộc cách mạng trong nhận thức và hành động với những chủ trương, chính sách mang tính đột phá: đổi mới toàn diện đất nước, nền kinh tế từ tập trung, quan liêu bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường với nhiều

thành phần kinh tế cùng tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Những nhu cầu cá nhân được hiểu như một quy luật trong quá trình dân chủ hóa và ngày càng được tôn trọng, chuyển biến này góp phần tạo nên sự phân hóa lớn về nhu cầu thẩm mỹ trong đời sống xã hội.

Do tính đặc thù của lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật nên thị trường các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật hình thành chậm chạp và rất khó khăn. Do sự lạc hậu, bất cập trong tư duy lý luận về thị trường này nên những năm đầu đổi mới, chúng ta thiếu cơ chế, chính sách để khơi thông và hình thành thị trường các sản phẩm văn học, nghệ thuật<sup>1</sup>. Nói khác đi, trước những thay đổi có tính quyết định sống còn của vận nước, việc thực hiện cơ chế thị trường chưa có kinh nghiệm quản lý đã bộc lộ nhiều hạn chế: các chính sách dành cho văn hoá, văn học nghệ thuật trở nên bất cập, không theo kịp tình hình phát triển của kinh tế thị trường; cơ chế quản lý không kịp thời có những quyết sách khuyến khích sự đổi mới tư duy nghệ thuật cho văn nghệ sĩ; một bộ phận cán bộ quản lý vẫn mang tư tưởng áp đặt, không đủ năng lực đáp ứng những đòi hỏi, đề xuất mang tính đột phá nhận thức về văn học, nghệ thuật... Toàn bộ bức tranh tổng thể đó tác động mạnh mẽ vào tâm lý, tư tưởng các chủ thể sáng tạo. Phần nhiều văn nghệ sĩ trở nên bối rối, quẩn quanh trong sáng tạo. Cho nên, phải kể thêm nguyên nhân chủ quan, sâu xa, đó là quá trình tự nhận thức, đổi mới tư duy sáng tạo trong giới văn nghệ sĩ diễn ra chậm hơn so với những đòi hỏi khách quan trong đời sống xã hội bấy giờ. Quá trình xuống dốc của sân khấu Cải lương diễn ra như một hệ quả tất yếu khi mất hẳn “bầu sữa” bao cấp

mà các “chủ nhân” chưa kịp thay đổi để thích ứng.

Sự tác động của cơ chế thị trường, cộng thêm chủ trương xã hội hóa tạo nên sức ép không nhỏ đối với loại hình nghệ thuật truyền thống. Các sản phẩm văn nghệ được coi như “hàng hóa” và được tiêu thụ như hàng hóa, do đó, Cải lương nhanh chóng bị “nhấn chìm” trong “bước tiến” ồ ạt vừa trực tiếp, vừa thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại của các loại hình giải trí mới mẻ, các trào lưu văn hóa cả tiến bộ, cả tiêu cực chưa từng có trong thời chiến và những năm trong cơ chế tập trung bao cấp.

Thực tế, sân khấu Cải lương đã mất đi những biểu hiện của sự khủng hoảng, rõ nhất là từ sau Hội diễn sân khấu Cải lương chuyên nghiệp năm 1985. Mặc dù, các Giải thưởng Trần Hữu Trang, giải Bông Lúa vàng... vinh danh một thế hệ nghệ sĩ trưởng thành sau giải phóng, khẳng định một lớp diễn viên mới như: Vũ Linh, Thanh Thanh Tâm, Tài Linh, Kim Tử Long, Thoại Mỹ, Quế Trân, Hữu Quốc, Vũ Luân, Tú Sương, Trinh Trinh... nhưng cũng không thể “cứu vãn” đời sống sân khấu Cải lương. Sự phát triển của công nghệ thông tin, các loại hình giải trí khác trên các phương tiện truyền thông đại chúng đã dần tước đi vị thế của Cải lương. Trước nguy cơ mất khán giả, Cải lương thích ứng bằng cách chuyển sang hình thức video, thỏa mãn nhu cầu khán giả bằng cách thay đổi phương thức cung cấp nguồn giải trí. Sản phẩm loay hoay nỗ lực tìm lại công chúng nhưng càng tìm tòi đổi mới, càng cách tân thì càng bộc lộ những yếu tố bất cập với cuộc sống đương đại. Nhiều sáng tác mới xa rời thực tế, sự đồng cảm giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận

xuất hiện khoảng cách ngày càng xa. Bên cạnh đó, quá trình chuyển giao thế hệ ở sân khấu Cải lương gặp khủng hoảng trầm trọng, có một khoảng trống về đội ngũ kế thừa, nhất là 03 nhân tố quan trọng làm nên vở Cải lương, đó là: tác giả, danh cầm và diễn viên. Chính những nguyên nhân đó khiến Cải lương không “bắt nhịp” với tiết tấu cuộc sống đương thời để thể hiện những cảm quan mới, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ trong công chúng nghệ thuật.

## 2. Đi tìm giải pháp cho Cải lương

Hai Nghị quyết có tác động tích cực và trực tiếp đến đời sống, sự phát triển của nền văn học nghệ thuật cả nước là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) ngày 16.7.1998 về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã xác định nhiệm vụ trọng yếu để phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật là “phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người”. Nội dung gợi mở cho văn nghệ sĩ sáng tác phải hướng tới đề cao phẩm giá, nhân cách con người trong mối quan hệ xã hội - hiện thực, đó không chỉ là định hướng mà còn là yêu cầu rất có ý nghĩa đối với các hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ trong giai đoạn này. Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 16.6.2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” cũng đã có tác động tích cực đến lực lượng văn nghệ sĩ khi chỉ rõ: “Tài năng văn học nghệ thuật là vốn quý của xã hội. Chăm sóc để tài năng phát triển là trách nhiệm của

toàn Đảng, toàn dân và các tổ chức trong hệ thống chính trị”. Có thể xem đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy lãnh đạo văn học nghệ thuật.

Từ đó nhìn lại, chúng ta đã giữ gìn vốn quý của xã hội – những tài năng Cải lương như thế nào trong 100 năm qua?

Bất kỳ loại hình nghệ thuật nào cũng phải chấp nhận những nguy cơ bị đào thải trong sự phát triển chung của nền văn hóa, nghệ thuật, đó là quy luật. Do đó, chúng ta cần kịp thời có những chủ trương phù hợp để lưu giữ tinh hoa của bộ môn nghệ thuật độc đáo này. Với những thành quả Cải lương đã đóng góp cho nền văn hóa, văn nghệ 100 năm qua, đã đến lúc chúng ta mạnh dạn xác định rõ Cải lương là Di sản văn hóa phi vật thể, một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc cần được bảo trợ.

Đến nay, Cải lương vẫn chờ những khai phá mới để tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, 100 năm qua, Cải lương đã có biết bao tuyệt tác là những giá trị văn hóa đẹp đẽ, góp cho đời những hình tượng sân khấu là đỉnh cao của sáng tạo. Tinh hoa đó rất cần lưu giữ, bảo tồn và tìm cách phát huy giá trị, giới thiệu nét đẹp văn hóa, nghệ thuật truyền thống độc đáo của dân tộc Việt Nam ra thế giới.

Trong tiến trình hội nhập hiện nay, chúng ta phải “học” chung sống trong môi trường văn hóa toàn cầu, chấp nhận sự tác động tích cực lẫn tiêu cực, thậm chí “lây nhiễm” của nó, cùng lúc với việc chúng ta phải tự khẳng định diện mạo văn hóa với đặc trưng và bản lĩnh của dân tộc mình. Đó là yêu cầu đặt ra không chỉ đối với quốc gia, dân tộc mà đối với từng văn nghệ sĩ.

Trong Hội thảo hôm nay, chúng tôi hi vọng từ góc độ của những nhà nghiên cứu chuyên môn, người làm nghề giàu kinh nghiệm, người quản lý và cả người yêu chuộng loại hình nghệ thuật Cải lương sẽ còn nhiều ý kiến gợi mở những giải pháp đưa nghệ thuật Cải lương lên tầm cao mới, hòa nhập với cuộc sống đương đại. Chúng ta cần khuyến khích những sáng kiến thực hiện công việc lưu giữ, bảo tồn, truyền bá tinh hoa nghệ thuật Cải lương và xây dựng đội ngũ kế thừa, nhất là những sáng kiến chính từ văn nghệ sĩ.

Chúng tôi cũng tin rằng, sau Hội thảo, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương có thể đúc kết những đề xuất, các giải pháp, tư vấn cho Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung nghiên cứu, xây dựng công trình khoa học, trong đó, nghệ thuật Cải lương phải được nghiên cứu và đúc kết như một Di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc Việt Nam. Cần sớm có chủ trương lập đề án, kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị của nghệ thuật Cải lương trong bối cảnh hiện nay; đồng thời, trong giai đoạn hội nhập toàn cầu hóa, để tạo điều kiện khai mở sáng tạo của văn nghệ sĩ, đưa nghệ thuật Cải lương giới thiệu ra các nước, rất cần nhanh chóng xây dựng chiến lược, hoạch định mang tính đột phá về phương thức quản lý, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư trọng điểm cho Cải lương. ■

#### Chú thích:

<sup>1</sup> Đào Duy Quát (2009). *Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia.